

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2018/DS-PT**

Ngày: 30-5-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Tuyền**
Các Thẩm phán: Bà **Phan Thị Thu Hương**
Ông Phạm Thành Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Quốc Bình** – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà **Vũ Thị Hồng Uyên** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm 07/2018/DS-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thụy Tr**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số tổ A, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Hoàng Bá H**, sinh năm 1991 (theo văn bản ủy quyền ngày 07/7/2017).

Địa chỉ: đường D, phường E, thành phố F, tỉnh Đồng Nai.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tr có Luật sư **Nguyễn Thanh T** – Công ty Luật hợp danh Minh Việt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1970.

Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: đường G, tổ H, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có Luật sư **Trần Trung Ng Văn** phòng Luật sư Trần Trung Ng – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Tr và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H, ông Vũ Văn Th.

(*Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, Luật sư và bị đơn có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Bá H trình bày: Vào khoảng từ tháng 05/2014, bà Tr có cho bà Nguyễn Thị Kim H vay nhiều lần với số tiền, cụ thể:

+ Ngày 26/06/2014, bà Tr cho bà H vay 300.000.000 đồng, bằng tiền mặt, vay dạng trả góp hàng ngày, góp mỗi ngày 1.200.000 đồng, góp 11 tháng, mỗi tháng tính 30 ngày. Bà H đã góp được 5 tháng 23 ngày, tổng cộng số tiền là 207.600.000 đồng, còn nợ lại 147.000.000 đồng (đã bao gồm lãi 6 tháng, cụ thể là 54.000.000 đồng).

+ Ngày 09/07/2014, bà Tr cho bà H vay 300.000.000 đồng, bằng tiền mặt, vay dạng trả góp hàng ngày, góp mỗi ngày 1.200.000 đồng, góp 11 tháng, mỗi tháng tính 30 ngày. Bà H đã góp được 5 tháng 10 ngày, tổng cộng số tiền là 192.000.000 đồng, còn nợ lại 162.000.000 đồng (đã bao gồm lãi 6 tháng, cụ thể là 54.000.000 đồng).

+ Ngày 05/11/2014, bà Tr cho bà H vay 300.000.000 đồng, bằng tiền mặt, vay dạng trả góp hàng ngày, góp mỗi ngày 1.200.000 đồng, góp 11 tháng, mỗi tháng tính 30 ngày. Bà H đã góp được 1 tháng 14 ngày, tổng cộng số tiền là 52.800.000 đồng, còn nợ lại 266.000.000 đồng (đã bao gồm lãi 2 tháng, cụ thể là 18.000.000 đồng).

+ Ngày 05/12/2014, bà Tr cho bà H vay 200.000.000 đồng, bằng tiền mặt, vay dạng trả góp hàng ngày, góp mỗi ngày 1.200.000 đồng, góp 07 tháng, mỗi tháng tính 30 ngày. Bà H đã góp được 15 ngày, tổng cộng số tiền là 18.000.000 đồng, còn nợ lại 188.000.000 đồng (đã bao gồm lãi 1 tháng, cụ thể là 6.000.000 đồng).

+ Ngày 20/12/2014, bà Tr cho bà H vay 200.000.000 đồng, bằng tiền mặt, vay dạng trả góp hàng ngày, góp mỗi ngày 1.200.000 đồng, góp 07 tháng, mỗi tháng tính 30 ngày. Bà H chưa góp được ngày nào, còn nợ lại 203.000.000 đồng tiền (đã bao gồm lãi nửa tháng cụ thể là 3.000.000 đồng).

Trong tất cả các lần vay, bà Tr cùng bà H có làm giấy vay nợ và bà H có ký tên vào giấy. Ngày 30/12/2014, bà Tr và bà H chốt nợ, bà Tr trả lại cho bà H các giấy vay nợ cũ và làm giấy vay nợ mới, chữ viết trong giấy vay nợ là do bà H viết, bà H trực tiếp viết và ký vào giấy vay nợ. Các giấy vay cũ này do bà H giữ. Giấy vay nợ mới sau khi chốt nợ thì ông H đã nộp cho Tòa án.

Tổng cộng, tính đến ngày 30/12/2014, bà H còn nợ bà Tr tiền gốc là 831.000.000 đồng và 135.000.000 đồng tiền lãi.

Khi vay tiền, bà H có thể chấp 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 000001 ngày 09/02/2007 đứng tên ông Vũ Văn Th.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 000002 ngày 02/07/2004 đứng tên ông Vũ Văn Th.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 000003 ngày 22/11/2005 đứng tên ông (bà) Nguyễn Thị Kim H.

Sau khi chốt nợ ngày 30/12/2014, bà H còn nợ bà Tr tổng cộng 965.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không xác định thời hạn trả do bà H nói để về bàn bạc với gia đình việc trả nợ, bà Tr cho bà H 1 tuần để bàn bạc việc trả nợ nhưng không thấy trả. Việc thỏa thuận lãi suất 3%/tháng do sơ suất nên bà Tr không yêu cầu bà H viết vào giấy vay.

Đến khoảng tháng 03/2015, bà Tr có yêu cầu ông Th và bà H trả nợ nhưng

ông bà không chịu trả nợ đến nay.

Việc giao dịch vay nợ chỉ có bà Tr giao dịch với bà H, không có mặt ông Th nhưng bà H nói là vay tiền để cho gia đình làm ăn, cho nên bà Tr khởi kiện cả hai vợ chồng ông Th và bà H phải trả nợ cho bà Tr.

Nay ông H yêu cầu ông Th và bà H phải trả cho bà Tr số tiền là 965.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/12/2014 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thành tiền là 625.635.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà H có quan hệ giao dịch vay mượn tiền với bà Mai Thị H (là mẹ của bà Nguyễn Thuy Tr) nhiều lần nhưng không liên quan gì bà Nguyễn Thuy Tr. Bà H vay của bà H bao nhiêu lần, bà H không nhớ. Khi vay, bà H có thể chấp cho bà H 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền vay của bà H bao nhiêu, bà H cũng không nhớ. Bà H đã trả được bao nhiêu, bà H cũng không nhớ. Bà H cũng không xác định được việc bà H còn nợ của bà H không bao nhiêu tiền. Nhưng bà H xác định là không có nợ của bà Tr. Sau khi bà H chết, bà H có xuống gặp bà Tr để tính lại tiền nợ và lấy lại 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Tr kêu bà H về và 3 ngày sau quay lại thì bà Tr sẽ tính toán lại nợ cho bà H. Vào ngày 30/12/2014, bà Tr có tính toán sẵn số tiền nợ và yêu cầu bà H viết giấy vay nợ mới, bà Tr đã đọc cho bà H viết và bà H có viết như yêu cầu của bà Tr. Chữ ký và chữ viết trong giấy vay nợ do bà Tr nộp cho Tòa án thì bà H xác định chữ ký và chữ viết là của bà H.

Việc vay nợ của bà H với bà Mai Thị H không liên quan gì chồng của bà là ông Thức. Chỉ một mình bà H vay nợ, một mình bà H giao dịch với bà Mai Thị H.

Bà H xác định là bà không có giao dịch vay nợ đối với bà Tr. Việc viết giấy vay nợ ngày 30/12/2014 là do bà Tr yêu cầu bà H viết để chốt lại các khoản nợ của bà Mai Thị H.

Việc bà H vay nợ của bà Mai Thị H lần đầu tiên là để bà H làm ăn còn các lần sau là để có tiền góp lại trả nợ cho các dây nợ trước.

Khi giao dịch vay nợ chỉ có bà H và bà Mai Thị H, không có ai chứng kiến.

Nay bà H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Tr vì bà H không có vay của bà Tr và số nợ như bà Tr trình bày là quá cao. Việc viết và ký giấy vay nợ là do bà Tr yêu cầu bà H viết chứ thực chất bà H không có vay của bà Tr. Bà H yêu cầu Tòa án tính toán lại số tiền nợ gốc và lãi đã trả theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Vũ Văn Th trình bày:

Việc vay nợ của bà H, ông Th hoàn toàn không biết gì. Khoảng 1 tuần trước khi bà H đi chốt nợ với bà Tr (30/12/2014), ông Th phát hiện mất khoảng 200.000.000 đồng, 7 lượng vàng SJC, 8.300 USD, 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Th có hỏi bà H thì biết được việc bà H lấy 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng tài sản của ông Th để trả nợ và thế chấp cho bà Mai Thị H để vay tiền. Ông Th có yêu cầu bà H đi lấy về 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th thì bà H đi gặp bà Tr (lúc này bà Mai Thị H đã chết) mang

về 5 giấy vay nợ và 1 giấy tính toán chốt nợ. Sau đó, ông Th liên hệ bà Tr để tính toán lại nợ nhưng bà Tr nói đã tính toán nợ lại cho bà H với số tiền là 965.000.000 đồng, không đồng ý tính toán lại với ông Th. Từ đó đến nay, hai bên không liên hệ tính toán nợ.

Do ông Th không có vay nợ của bà Tr nên ông Th không đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Tr, yêu cầu bà Tr phải trả lại cho tôi 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H đã thế chấp khi vay nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai đã:

- Căn cứ Điều khoản 2 Điều 305, 322, 323, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Tuyên xử*: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn –bà Nguyễn Thụy Tr đối với bị đơn- bà Nguyễn Thị Kim H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thụy Tr số tiền nợ gốc là 557.275.000 đồng và tiền lãi là 164.999.940 đồng, tổng cộng là 722.274.840 đồng (bảy trăm hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Buộc bà Nguyễn Thụy Tr phải trả lại cho ông Vũ Văn Th và bà Nguyễn Thị Kim H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 000001 ngày 09/02/2007 đứng tên ông Vũ Văn Th, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 000002 ngày 02/07/2004 đứng tên ông Vũ Văn Th và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 000003 ngày 22/11/2005 đứng tên ông (bà) Nguyễn Thị Kim H.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 32.890.994 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thụy Tr phải chịu 36.100.805 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 07/3/2018, Tòa án nhân dân huyện C có Quyết định số 42/QĐ-SCBSQĐ sửa chữa bổ sung bản án số 07/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện C: Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thụy Tr số tiền nợ gốc là 857.275.000 đồng và tiền lãi là 253.824. 840 đồng, tổng cộng là 1.111.099.840 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 45.332.995 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thụy Tr phải chịu 20.581.406 đồng tiền án phí dân sự sơ

thăm.

Ngày 02/3/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thuy Tr kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai, đề nghị tòa phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà buộc bà H và ông Th phải trả cho bà khoản nợ gốc là 965.000.000 đồng và tiền lãi là 451.539.000 đồng.

Ngày 11/3/2018 bà Nguyễn Thị Kim H và ông Vũ Văn Th kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai, đề nghị tòa phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thuy Tr về tiền gốc và lãi; Buộc bà Tr trả lại cho ông và bà 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hủy giấy vay nợ mà bà H viết theo những nội dung bà Tr đọc vào ngày 30/12/2014.

Quan điểm của Luật sư tham gia phiên tòa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bởi lẽ: Giấy vay tiền ngày 30/12/2014 do chính bà H viết và ký tên. Bà H không chứng minh được bị áp lực hay bị ép buộc khi viết giấy. Số tiền vay là khá lớn không thể không để nhằm mục đích sử dụng phục vụ lợi ích chung của gia đình nên bà Tr kiện yêu cầu cả bà H và ông Th phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ là có căn cứ.

Về số tiền lãi, cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng là chưa chính xác, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử tính toán lại từng khoản nợ và áp dụng khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 tính theo mức lãi suất quá hạn đối với các khoản nợ vi phạm nghĩa vụ trả nợ tương ứng thời hạn vi phạm.

Quan điểm của Luật sư tham gia phiên tòa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng:

Lời khai của bà Tr và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bà Tr về việc cho vay tiền trước sau bất nhất. Khi thì khai cho vay một lần, khi thì khai cho vay nhiều lần. Chứng tỏ khoản nợ bà Tr kiện đòi bà H là không có thật, không có việc bà Tr cho bà H vay tiền.

Giấy vay tiền đề ngày 30/12/2014 do bà H viết nhưng phần người cho vay không phải do bà H viết mà do bà Tr tự ghi vào sau nên không thể hiện ý chí của bà H là vay tiền của bà Tr. Bà H là người thiếu hiểu biết và bị áp lực nên viết giấy nhận nợ nhằm mục đích để lấy lại 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Tr hứa trả chứ thực tế không có việc vay tiền của bà Tr.

Bà H có vay của bà Mai Thị H là mẹ bà Tr. Nay bà H đã chết, cấp sơ thẩm chưa làm rõ ai là đồng thừa kế của bà Huê, ai quản lý di sản, ai có quyền thừa kế nếu thực tế có các khoản nợ của bà Mai Thị H để giải quyết trong đó bao gồm nghĩa vụ trả lại 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H đã cầm cho bà Mai Thị H.

Bị đơn không đồng ý trả nợ cho bà Tr vì bị đơn hoàn toàn không vay tiền của bà Tr.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn trả lại bị đơn 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Giấy vay tiền ngày 30/12/2014 do bà H ký.

Phát biểu của Đại diện VKS tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo vô tư khách quan, đầy đủ, đúng trình tự thủ tục theo định của pháp luật.

Các đương sự đã được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn:

Chứng cứ thể hiện lời khai của bà Tr về các khoản tiền vay có khoản do bà Mai Thị H giao tiền. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ người thừa kế của bà H để đưa tham gia tố tụng là bỏ sót, vi phạm tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 42 ngày 07/3/2018 của TAND huyện C là vi phạm Điều 268 về nội dung và hình thức. Đề nghị HĐXX hủy toàn bộ án sơ thẩm và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 42 ngày 07/3/2018 của TAND huyện C, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn xét thấy:

[2] Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm:

Chứng cứ các bên giao nộp thể hiện Bản giải trình ngày 12/7/2016, Biên bản đối chất ngày 08/01/2016 – bà Nguyễn Thụy Tr có khai: Bà H vay của tôi và mẹ tôi là bà Mai Thị H như sau: Ngày 26/6/2014 là 300.000.000đ, ngày 09/7/2014 là 300.000.000đ (do bà Mai Thị H giao tiền) – BL 63,64. Nội dung này trùng với khoản nợ 300.000.000đ ngày 26/6/2014 và ngày 9/7/2014 do bà Tr tính toán và ông Th cung cấp – BL 31. Bà H ông Th cung cấp Giấy vay tiền ngày 27/8/2014 thể hiện việc bà H cầm cố 03 giấy chứng nhận cho bà Mai Thị H để vay tiền, không phải cầm cho bà Tr – BL 29. Nay bà H đã chết, cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ người là đồng thừa kế của bà H để đưa vào tham gia tố tụng và xác định quyền, trách nhiệm của họ đối với các khoản nợ và tài sản cầm cố, thế chấp là bỏ sót, vi phạm tố tụng.

[3] Về nội dung đường lối giải quyết tranh chấp: Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 42 ngày 07/3/2018 của TAND huyện C sửa chữa toàn bộ phần Nhận định của Tòa án và thay đổi toàn bộ nội dung của phần Quyết định của

bản án là vi phạm khoản 1 Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự. Về hình thức, Quyết định sửa chữa bổ sung bản án chỉ do Thẩm phán Chủ tọa ký mà không thể hiện có sự phối hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Do vậy, phải hủy toàn bộ án sơ thẩm và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 42 ngày 07/3/2018 của TAND huyện C, chuyển hồ sơ về TAND huyện C giải quyết lại vụ án theo quy định của khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bản án và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được cần phải hủy nên không có đủ căn cứ chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và quan điểm của các Luật sư.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Bà Tr, ông Th, bà H không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 27/02/2018 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 42/QĐ-SCBSQĐ ngày 07/3/2018 của TAND huyện C giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thuy Tr với bị đơn ông Vũ Văn Th bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Bà Tr, ông Th, bà H không phải chịu án phí DSPT. Hoàn trả ông Th, bà Tr, bà H tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp tại các biên lai thu số 123456 ngày 20/3/2018 và biên lai thu số 123456 ngày 20/3/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Tuyền

